

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN
THỰC PHẨM
HỒNG HÀ

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM
HỒNG HÀ
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC
PHẨM HỒNG HÀ, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC
PHẨM HỒNG HÀ
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
5500512492
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.01.30 21:44:34+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.1

Tp. Hà Nội, tháng 01 năm 2026

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	3 – 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	7 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, VP Chính Phủ- NK La Thành, Số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Đức	Chủ tịch HĐQT	Ngày 17/01/2023	
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT - Thành viên độc lập	Ngày 25/03/2021	
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT	Ngày 17/01/2023	Ngày 15/08/2025
Ông Lưu Chiến Thắng	Thành viên HĐQT	Ngày 19/04/2023	Ngày 15/08/2025
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên HĐQT	Ngày 22/05/2020	Ngày 15/08/2025
Ông Phạm Văn Luận	Thành viên HĐQT	Ngày 15/08/2025	
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên HĐQT	Ngày 15/08/2025	
Ông Kunwar Pramod Singh	Thành viên HĐQT	Ngày 15/08/2025	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Dương Quân Anh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đặng Quốc Hưng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Bùi Phương Anh	Thành viên Ban kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Tổng Giám đốc	Ngày 22/05/2020	Ngày 12/08/2025
Ông Phạm Văn Luận	Tổng Giám đốc	Ngày 12/08/2025	
Bà Trần Ngọc Lan	Kế toán trưởng	Ngày 08/05/2023	Ngày 12/08/2025
Ông Phan Giang Châu	Kế toán trưởng	Ngày 12/08/2025	

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Văn Luận - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được ghi chép một cách phù hợp, lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



[Handwritten signature]
Phạm Văn Luận
Tổng Giám đốc

Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99.616.378.043	131.923.767.999
I. Tiền	110	4	29.391.534.556	78.826.607.700
1. Tiền	111		29.391.534.556	29.326.607.700
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	49.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		34.410.780.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	34.410.780.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.755.064.218	52.882.565.246
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	233.907.300
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	48.600.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	26.000.000.000	52.210.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.755.064.218	390.057.946
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		58.999.269	214.595.053
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.199.868	22.768.452
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		40.799.401	191.826.601
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	8	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		340.500.000.000	270.936.114.963
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		59.000.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	59.000.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		-	8.374.288.770
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	-	8.374.288.770
- Nguyên giá	222		-	15.904.107.117
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	(7.529.818.347)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		281.500.000.000	260.203.345.385
1. Đầu tư vào công ty con	251	5	281.500.000.000	261.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	-	(796.654.615)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		-	2.358.480.808
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	2.358.480.808
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		440.116.378.043	402.859.882.962

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		16.631.851.462	9.152.880.708
I. Nợ ngắn hạn	310		16.631.851.462	9.152.880.708
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		123.761.783	98.472.763
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8	7.554.899.971	160.025.437
3. Phải trả người lao động	314		58.807.200	-
4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.894.382.508	8.894.382.508
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		423.484.526.581	393.707.002.254
I. Vốn chủ sở hữu	410	10	423.484.526.581	393.707.002.254
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		385.673.630.000	385.673.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		385.673.630.000	385.673.630.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.447.191.254	4.447.191.254
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.363.705.327	3.586.181.000
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.178.181.000	1.060.426.442
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		30.185.524.327	2.525.754.558
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		440.116.378.043	402.859.882.962



Phạm Văn Luận
 Tổng Giám đốc
 Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Phan Giang Châu
 Kế toán trưởng

Phan Giang Châu
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho năm chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2025		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	212.643.000	38.376.026.400	19.527.221.681
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	11	-	212.643.000	38.376.026.400	19.527.221.681
4. Giá vốn hàng bán	11	12	-	180.000.840	38.277.537.563	18.950.360.316
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	32.642.160	98.488.837	576.861.365
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	5.093.962.985	3.245.417.282	39.758.982.030	4.596.160.153
7. Chi phí tài chính	22	15	(207.796.235)	485.078.556	(681.091.564)	460.629.580
8. Chi phí bán hàng	25	16	263.000.000	(7.752.000)	263.000.000	144.563.620
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16	478.587.788	477.254.520	2.359.178.881	1.842.482.905
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		4.560.171.432	2.323.478.366	37.916.383.550	2.725.345.413
11. Thu nhập khác	31	17	126.659.402	-	2.206.250.000	-
12. Chi phí khác	32	18	73.516.345	19.914.213	2.386.821.133	39.815.418
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		53.143.057	(19.914.213)	(180.571.133)	(39.815.418)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.613.314.489	2.303.564.153	37.735.812.417	2.685.529.995
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	4.984.517.008	22.165.049	7.550.288.090	159.775.437
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(371.202.519)	2.281.399.104	30.185.524.327	2.525.754.558



Phạm Văn Luận
 Tổng Giám đốc
 Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Phan Giang Châu
 Kế toán trưởng

Phan Giang Châu
 Người lập biểu



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	37.735.812.417	2.685.529.995
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	678.629.368	1.125.308.489
- Các khoản dự phòng	03	(796.654.615)	460.629.580
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(38.155.977.325)	(4.596.160.153)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(538.190.155)	(324.692.089)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(37.256.774.426)	57.148.994.706
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(319.541.899)	(17.610.551.196)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.363.049.392	222.587.397
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(34.410.780.000)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(159.775.437)	(245.637.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(70.322.012.525)	39.190.701.618
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	9.775.000.000	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26.000.000.000)	(236.830.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	52.210.000.000	190.270.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(73.500.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	53.000.000.000	35.105.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.401.939.381	11.551.102.207
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	20.886.939.381	96.102.207
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	(49.435.073.144)	39.286.803.825
Tiền đầu năm	60	78.826.607.700	39.539.803.875
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	29.391.534.556	78.826.607.700



Phạm Văn Luận
Tổng Giám đốc

Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Phan Giang Châu
Kế toán trưởng

Phan Giang Châu
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500512492, ngày 06 tháng 01 năm 2015. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 ngày 13 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài chính Tp. Hà Nội cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 07 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 15 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn thóc ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các Công ty con:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà	Hà Nội	98,00%	98,00%	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, Bán lẻ thuốc và các dụng cụ y tế
Công ty Cổ phần Green Energy and Environment (Tên cũ: Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lạc Xanh)	Thanh Hoá	100%	100%	Bán buôn nông, lâm sản
Công ty Cổ phần Cường sinh Yên Châu (i)	Sơn La	98,14%	98,14%	Sản xuất, thương mại
Công ty Cổ phần Milli Land	Khánh Hòa	90%	90%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Bình Thắng	Vĩnh Long	95%	95%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

(i) Tại ngày 20 tháng 8 năm 2025, Công ty đã thực hiện thanh lý toàn bộ số lượng cổ phần nắm giữ (tỷ lệ sở hữu 98,14% tương đương 9.275.000 cổ phần) tại Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu. Dẫn đến, Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu không còn là Công ty con của Công ty sau ngày thoái vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc:

Tên	Địa chỉ	Hình thức hạch toán	Hoạt động kinh doanh chính
Địa điểm kinh doanh tỉnh Hậu Giang – Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà	Tp. Cần Thơ	Phụ thuộc	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
Chi nhánh Nhà máy sản xuất – Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà	Sơn La	Độc lập	Sản xuất, thương mại các sản phẩm liên quan nông nghiệp

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Đồng thời, Báo cáo tài chính tổng hợp cũng được lập và phát hành cùng Báo cáo tài chính Hợp nhất, theo đó để có thông tin đầy đủ thì người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc Báo cáo tài chính này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, chứng khoán kinh doanh, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)***Chứng khoán kinh doanh (Tiếp theo)***

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào ngày cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí trả trước***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí đào đắp san lấp mặt bằng

Khoản chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bàn Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La (nay là Xã Chiềng Hặc, Tỉnh Sơn La) được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 20 năm theo thời gian thuê đất. Trong năm, chi phí này đã được thanh lý trong năm 2025.

Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm. Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc, thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Đàng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, do đó Công ty không trình bày giao dịch với các bên liên quan trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, do đó Công ty không trình bày chỉ tiêu lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.398.689.964	20.738.303
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.992.844.592	29.305.869.397
Các khoản tương đương tiền	-	49.500.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	49.500.000.000
Cộng	29.391.534.556	78.826.607.700

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu						
CTCP Tập đoàn TNT	21.990.372.000	-	19.440.000.000	-	-	-
CTCP Phân bón Quốc tế Âu Việt	12.420.408.000	-	12.172.160.000	-	-	-
Cộng	34.410.780.000	-	31.612.160.000	-	-	-

Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con						
Công ty Cổ phần Green Energy and Environment <i>(Tên cũ: Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lặc Xanh)</i>	110.000.000.000	-	(*)	110.000.000.000	(355.182.862)	(*)
Công ty CP NLN Hồng Hà	98.000.000.000	-	(*)	98.000.000.000	(441.471.753)	(*)
Công ty CP Milli Land	45.000.000.000	-	(*)	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Nông nghiệp Bình Thắng	28.500.000.000	-	(*)	-	-	-
Công ty CP Cường Sinh Yên Châu	-	-	-	53.000.000.000	-	(*)
Cộng	281.500.000.000	-	-	261.000.000.000	(796.654.615)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	-	19.750.000.000
Ông Trịnh Quang Huy	-	4.800.000.000
Ông Trịnh Đình Nhân	-	11.000.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Tú	-	3.950.000.000
b) Phải thu các bên liên quan	26.000.000.000	32.460.000.000
Công ty CP Nông lâm nghiệp Hồng Hà (*)	26.000.000.000	32.460.000.000
Cộng	<u>26.000.000.000</u>	<u>52.210.000.000</u>

(*) Là khoản cho vay Công ty cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà theo Hợp đồng cho vay tiền số 062025/HSL-HH ngày 25/06/2025. Số tiền cho vay 26.000.000.000 VND, thời hạn vay 03 tháng từ ngày 26/06/2025 đến ngày 26/09/2025, lãi suất 3,2%/năm tính từ ngày 26/06/2025.

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a1) Phải thu các tổ chức và các cá nhân khác		
Lê Bùi Hồng Ngọc	3.800.000.000	-
Bùi Thị Thùy Linh	2.724.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	-	30.000.000
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.797.968.328	192.439.317
a2) Phải thu các bên liên quan		
Công ty CP Nông lâm nghiệp Hồng Hà (lãi dự thu)	433.095.890	167.618.629
Cộng	<u>9.755.064.218</u>	<u>390.057.946</u>
b) Dài hạn		
Chi hợp tác đầu tư dự án Nhà ở Minh Ngọc Bình	59.000.000.000	-
Dương (*)	-	-
Cộng	<u>59.000.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 16/06/2025 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà và Công ty cổ phần Minh Ngọc về việc góp vốn thực hiện dự án “Khu nhà ở Minh Ngọc”. Theo đó Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà đầu tư 59.000.000.000 VND (bằng chữ: Năm mươi chín tỷ đồng chẵn) vào dự án.

Phân chia lợi nhuận dự án: Lợi nhuận từ việc khai thác, mở bán, giao dịch các sản phẩm bất động sản theo Phụ lục hợp đồng bao gồm (59 thửa đất tổng diện tích 4.039,7m²) sẽ được hai bên thống nhất phân chia theo tỷ lệ mỗi bên 50%, lợi nhuận được tính sau khi đã trừ các chi phí hợp lý có liên quan. Tiền vốn đầu tư sẽ được Công ty cổ phần Minh Ngọc hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà căn cứ theo số diện tích đất của Dự án đã bán ra trong kỳ quyết toán. Tiền vốn đầu tư được hoàn trả cùng lúc với phần lợi nhuận được chia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT trong nước	-	909.656.325	909.656.325	-
Thuế thu nhập cá nhân	250.000	42.308.235	37.946.354	4.611.881
Thuế thu nhập doanh nghiệp	159.775.437	7.550.288.090	159.775.437	7.550.288.090
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	160.025.437	8.506.252.650	1.111.378.116	7.554.899.971

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư đầu năm	9.994.000.480	1.093.600.000	4.781.779.364	34.727.273	15.904.107.117
- Thanh lý, nhượng bán	(9.994.000.480)	(1.093.600.000)	(4.781.779.364)	(34.727.273)	(15.904.107.117)
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	4.505.192.250	1.092.905.524	1.915.493.838	16.226.735	7.529.818.347
- Khấu hao trong năm	306.267.774	694.476	366.346.002	5.321.116	678.629.368
- Thanh lý, nhượng bán	(4.811.460.024)	(1.093.600.000)	(2.281.839.840)	(21.547.851)	(8.208.447.715)
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	5.488.808.230	694.476	2.866.285.526	18.500.538	8.374.288.770
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm trước	353.835.080.000	4.447.191.254	33.306.976.442	391.589.247.696
Lãi năm trước	-	-	2.525.754.558	2.525.754.558
Trả cô tức bằng cổ phiếu	31.838.550.000	-	(31.838.550.000)	-
Trả thù lao HĐQT, BKS	-	-	(408.000.000)	(408.000.000)
Số dư cuối năm trước	385.673.630.000	4.447.191.254	3.586.181.000	393.707.002.254
Lãi năm nay	-	-	30.185.524.327	30.185.524.327
Trả thù lao HĐQT, BKS	-	-	(408.000.000)	(408.000.000)
Số dư cuối năm nay	385.673.630.000	4.447.191.254	33.363.705.327	423.484.526.581

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 19 ngày 13 tháng 08 năm 2025, Vốn điều lệ của Công ty là 385.673.630.000 VND, tương đương 38.567.363 cổ phần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, chi tiết Vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Đỗ Hà Anh	2.373.500	6,15%	-	0,00%
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	-	0,00%	4.796.000	12,44%
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	-	0,00%	2.997.500	7,77%
Các cổ đông khác	36.193.863	93,85%	30.773.863	79,79%
Tổng cộng	38.567.363	100%	38.567.363	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.567.363	38.567.363
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.567.363	38.567.363
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.567.363	38.567.363
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.567.363	38.567.363

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

11. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	37.879.859.400	18.676.649.681
Doanh thu cho thuê tài sản	496.167.000	850.572.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.376.026.400	19.527.221.681

12. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	37.805.038.070	18.152.300.891
Giá vốn cho thuê tài sản	472.499.493	798.059.425
Cộng	38.277.537.563	18.950.360.316

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

13. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.960.326	541.284.820
Chi phí nhân công	759.432.918	670.976.029
Chi phí khấu hao TSCĐ	678.629.368	1.125.308.489
Thuế, phí và lệ phí	7.893.596	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.218.264.039	442.536.612
Chi phí khác bằng tiền	379.498.127	-
Cộng	3.094.678.374	2.785.105.950

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.474.977.325	1.708.660.153
Lãi chuyển nhượng công ty con	30.475.000.000	-
Lãi đầu tư chứng khoán kinh doanh	3.809.004.705	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.782.500.000
Lãi chuyển nhượng Công ty liên kết	-	105.000.000
Cộng	39.758.982.030	4.596.160.153

15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	(796.654.615)	460.629.580
Chi phí tài chính khác	115.563.051	-
Cộng	(681.091.564)	460.629.580

16. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<i>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>		
Chi phí nhân viên	-	64.936.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	79.627.620
Các khoản chi phí bán hàng khác	263.000.000	-
Cộng	263.000.000	144.563.620
<i>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>		
Chi phí nhân viên	759.432.918	606.040.029
Chi phí đồ dùng văn phòng	50.960.326	329.314.840
Chi phí khấu hao TSCĐ	386.443.195	606.404.244
Thuế, phí và lệ phí	7.893.596	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.037.950.719	295.723.792
Các khoản chi phí QLDN khác	116.498.127	-
Cộng	2.359.178.881	1.842.482.905

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***17. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý các khoản Chi phí trả trước	2.206.000.000	-
Thu nhập khác	250.000	-
Cộng	2.206.250.000	-

18. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá trị còn lại khi thanh lý các khoản Chi phí trả trước	2.245.629.250	-
Giá trị còn lại khi thanh lý Tài sản cố định	126.659.402	-
Chi phí khác	14.532.481	39.815.418
Cộng	2.386.821.133	39.815.418

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	7.550.288.090	159.775.437

20. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm bao gồm 192.439.317 VND là khoản tiền lãi phát sinh trong năm trước thu được trong năm nay, nhưng không bao gồm 2.797.968.328 VND là số tiền lãi phát sinh năm nay chưa thu tiền. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Phạm Văn Luận
Tổng Giám đốc

Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Phan Giang Châu
Kế toán trưởng

Phan Giang Châu
Người lập biểu